HẬU QUẢ CỦA TỘI PHẠM VÀ VẤN ĐỀ ĐỊNH KHUNG HÌNH PHẠT TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ 1999

*Nguyễn Phúc Lưu**

1. Đặt vấn đề

Hậu quả của tội phạm là một vấn đề đặc biệt quan trọng trong xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự. Nó được thể hiện trên nhiều phương diện: Xác định tội phạm, phân loại tội phạm, đánh giá tính chất của tội phạm, xác định các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quyết định hình phạt v.v.và là một vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự. Trên thực tiễn việc nhận thức và vận dụng chế định này cũng còn có vấn đề chưa thống nhất dẫn đến thiếu nhất quán trong xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập góc độ nhìn nhận hậu quả của tội phạm là một yếu tố nền tảng, cơ sở cho việc xây dựng khung hình phạt và các tình tiết định khung trong phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự. Dựa trên việc làm rõ bản chất vấn đề "hậu quả của tội phạm", tiến hành thống kê, khảo sát việc xây dựng khung hình phạt và các tình tiết định khung hình phạt dưới khía cạnh hậu quả của tội phạm nhằm chỉ ra một số vấn đề bất cập về mặt kỹ thuật lập pháp trong xây dựng pháp luật hình sự, kiến nghị biện pháp sửa đổi nhằm hoàn thiện Bộ luật Hình sự hiện hành.

2. Hậu quả của tội phạm - yếu tố phản ánh bản chất của tội phạm, nền tảng để xây dựng khung hình phạt trong Bộ luật Hình sự

Hậu quả của tội phạm là thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ, cụ thể là gây thiệt hại cho các yếu tố cấu thành quan hệ xã hội gồm: chủ thể, đối tượng và nội dung quan hệ xã hội. Tùy theo phạm vi, cách thức, cơ chế, cường độ xâm hại đến các yếu tố cấu thành quan hệ xã hội mà tội phạm có thể gây ra nhiều loại hậu quả khác nhau dưới dạng các thiệt hại như:

- Thiệt hại về vật chất: các loại tài sản bị chiếm đoạt, phá hủy, hư hỏng...

- Thiệt hại về thể chất: tính mạng, sức khỏe của con người;

- Thiệt hại về tinh thần: danh dự, uy tín, lòng tự trọng bị tổn thương...

- Các biến đổi khác: tác động xấu đến tình trạng quân bình của đời sống...

Các dạng thiệt hại này chúng ta có thể định tính và định lượng được bằng các chỉ số ước định trong từng thời gian và hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Tùy theo tính hướng đích mà một hành vi phạm tội có thể gây ra một hay nhiều loại thiệt hại nêu trên. Tổng hợp tất cả các thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra ta sẽ đạt được một đại lượng chung: hậu quả của tội phạm. Dựa vào một trong những cơ sở nền tảng này mà nhà lập pháp hình sự phân định thành các tiêu chí đánh giá các mức độ hậu quả của tội phạm để rồi phân chia khung hình phạt cũng như xác định tình tiết định khung trong phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự. Và đó là một khía cạnh của lập pháp hình sự.

Bộ luật Hình sự hiện hành cụ thể hóa vấn đề hậu quả của tội phạm bằng việc xác lập các chỉ số cụ thể phản ánh mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra trong điều luật phần các tội phạm (cách quy định này thường thể hiện trong các tội có cấu thành vật chất) chỉ rõ số lượng đối tượng bị xâm hại, giá trị tài sản bị thiệt hại, mức độ thiệt hại về sức khỏe, ví dụ: *gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60; Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng; vật phạm pháp có số lượng lớn; làm chết nhiều người v.v.* Ngoài ra còn sử dụng các thuật ngữ chỉ rõ các cấp độ của nó: *gây thiệt hại không lớn, gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.* Đối với các tội có

* Thạc sỹ Luật học, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai

cấu thành hình thức, hậu quả của tội phạm được nhà làm luật xác định ở mức tiên liệu hậu quả sẽ hoặc có thể xảy ra do hành vi phạm tội đe dọa gây thiệt hại. Thật ra thì khoa học luật hình sự không phân định một cách tuyệt đối hậu quả của tội phạm cho hai dạng cấu thành tội phạm phổ biến này mà có sự kết hợp giữa chúng. Trong tội có cấu thành hình thức (ví dụ: Tội cướp tài sản) nhà lập pháp đã kết hợp xây dựng cả tiêu chí đánh giá mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra ở dạng khả năng xâm hại của tội phạm.

Như vậy, khi đánh giá hậu quả của tội phạm và các cấp độ hậu quả của tội phạm phải dựa trên quan điểm toàn diện, đầy đủ, khách quan, chính xác các dạng thiệt hại do tội phạm gây ra dù nó thuộc bất kỳ dạng và cấp độ thiệt hại nào nêu trên. Điều đó giúp nhận diện đúng bản chất của tội phạm. Hậu quả của tội phạm chính là kết quả xấu mà xã hội phải gánh chịu từ việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà luật hình sự quy định là tội phạm.

Với các dạng và cấp độ hậu quả của tội phạm nêu trên đã được phản ánh trong các quy phạm luật hình sự cho ta hình ảnh chung về quan điểm của chính sách hình sự của nhà nước ta trong thời kỳ thực hiện chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tinh thần chung đó cũng thấm đậm trong các chế định của luật hình sự về phân loại tội phạm và định khung hình phạt trên cơ sở các cấp độ hậu quả mà tội phạm gây ra. Mỗi cấp độ khác nhau, tội phạm gây ra các hậu quả thiệt hại khác nhau. Hậu quả của tội phạm ngoài phản ánh các thuộc tính thuộc về bản chất, tính hướng đích của tội phạm còn mang tính thần phân loại tội phạm. Tinh thần này đã được thể hiện trong Bộ luật Hình sự 1985 nhưng đến Bộ luật Hình sự 1999 thì việc phân loại tội phạm dựa vào hậu quả của tội phạm được phản ánh một cách sát thực và phổ biến hơn. Thậm chí có rất nhiều điều luật xây dựng theo hướng các cấp độ hậu quả phạm tội hoàn toàn trùng khớp với việc phân loại tội phạm như Điều 8 BLHS quy định.

Về lý thuyết trong cùng một loại tội phạm, nếu cùng giống nhau về chủ thể, khách thể, chủ quan, hành vi khách quan và cùng một loại thiệt hại thì bốn hành vi phạm tội gây ra bốn cấp độ thiệt hại như trên sẽ có bốn mức hình phạt tương ứng với từng mức độ hậu quả ấy. Ví dụ: trộm cắp tài sản dưới 50 triệu đồng sẽ bị áp dụng khung hình phạt tương ứng là khoản 1 Điều 138 BLHS 1999, trộm tài sản từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng sẽ bị áp dụng khung hình phạt tương ứng là khoản 2, trộm tài sản từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng sẽ bị áp dụng khung hình phạt tương ứng là khoản 3 và trộm tài sản từ 500 triệu đồng trở lên sẽ bị áp dụng khung hình phạt tương ứng là khoản 4. Điều đó là bởi vì với việc gây thiệt hại dưới 50 triệu đồng và việc gây thiệt hại ở các mức kế tiếp phản ánh tính chất của tội phạm là rất khác nhau về hậu quả phạm tội trên cả hai phương diện chất và lượng.

Tuy nhiên, vấn đề xác định cùng cấp độ thiệt hại giữa các loại tội phạm khác nhau có những điểm không giống nhau do tầm quan trọng của khách thể cần bảo vệ là rất khác nhau, đó là chưa kể điều này còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như cách thức thực hiện tội phạm, công cụ và phương tiện phạm tội, lỗi, động cơ và mục đích, không gian và thời gian... Nghĩa là giữa chúng chỉ có sự giống nhau về khái niệm ngôn ngữ nhưng khác nhau về mặt lượng và chất. Hai cặp ví dụ sau đây sẽ minh chứng điều này:

Ví dụ 1a: Điều 166 Tội lập quỹ trái phép, khoản 3, điểm b quy định: "*Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*" thì bị phạt tù từ sáu năm đến mười năm.

Ví dụ 1b: Điều 186 Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật, khoản 2 quy định: "...phạm tội *gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*", thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Ví dụ 2a: Điều 156 Tội sản xuất, buôn bán hàng giả, khoản 2, điểm h quy định: "*gây hậu quả rất nghiêm trọng*", thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

Ví dụ 2b: Điều 203 Tội cản trở giao thông đường bộ, khoản 2 điểm b quy định "*gây hậu quả rất nghiêm trọng*" thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

3. Hậu quả của tội phạm và việc xây dựng khung hình phạt trong Bộ luật Hình sự hiện hành (BLHS 1999)

Như đã trình bày ở trên, hậu quả của tội phạm là một yếu tố tham chiếu không thể thiếu trong việc xây dựng Bộ luật Hình sự nhất là việc xác định các khung hình phạt trong phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự. Dưới góc độ này trong từng điều luật, hậu quả của tội phạm thường được xác định trên hai khía cạnh: hoặc là yếu tố định khung hoặc là yếu tố cấu thành khung.

Với vai trò là tình tiết định khung, hậu quả của tội phạm được phản ánh trong khung hình phạt dưới dạng xác định các dạng hoặc các chỉ số về mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra đồng thời với các tình tiết khác (công cụ phạm tội, thủ đoạn phạm tội, động cơ, mục đích...). Ví dụ: Khoản 2 - Điều 138 BLHS Tội trộm cắp tài sản, các tình tiết định khung từ điểm a đến điểm g lần lượt quy định: Có tổ chức; Có tính chất chuyên nghiệp; Tái phạm nguy hiểm; Hành hung để tẩu thoát; Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng; *Gây hậu quả nghiêm trọng.*

Với vai trò là yếu tố cấu thành khung, hậu quả của tội phạm được phản ánh trọn vẹn trong khung hình phạt mà không còn yếu tố nào khác được tham dự trong khung hình phạt đó. Ví dụ: Khoản 3 - Điều 144 BLHS, Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, quy định: "Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm".

Việc xây dựng khung hình phạt phần các tội phạm như trên hiện diện và xuyên suốt trong rất nhiều chương và điều luật của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên cũng có nhiều chương và điều luật còn mâu thuẫn và bất hợp lý bởi không mang đầy đủ tính lôgic này. Nhược điểm đó tồn tại suốt trong thời gian khá dài từ Bộ luật Hình sự 1985 và đến nay trong Bộ luật Hình sự 1999 cũng vẫn chưa được quan tâm khắc phục.

Rất nhiều điều luật trong phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự 1985 và nhất là Bộ luật Hình sự hiện hành quy định các khung hình phạt dựa vào cấp độ hậu quả của tội phạm. Ví dụ: Điều 139 BLHS 1999 về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xác định rõ một số khung hình phạt cụ thể là: *gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị áp dụng khung 2 (phạt tù từ hai năm đến bảy năm); gây hậu quả rất nghiêm trọng sẽ bị áp dụng khung 3 (phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm); gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng sẽ bị áp dụng khung 4 (phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình).* Các chương còn lại đều có những điều luật được xây dựng theo dạng này. Việc quy định như vậy còn mang cả ý nghĩa phân loại tội phạm trong một điều luật theo tiêu chí chung quy định tại Điều 8 khoản 2 và khoản 3 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cũng có rất nhiều điều luật trong nhiều chương phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự lại quy định gộp hai cấp độ thiệt hại vào trong một khung hình phạt. Ví dụ: Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế có một loạt tội (Điều 170 - Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; Điều 171 - Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp; Điều 172 - Tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên, v.v..) được nhà lập pháp hình sự xây dựng khung hình phạt bằng cách ghép hai cấp độ hậu quả phạm tội khác nhau vào một khung hình phạt dưới dạng "*Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ... năm đến.... năm*". Đặc biệt còn có những điều luật lại ghép chung ba cấp độ hậu quả phạm tội khác nhau trong một khung hình phạt: Điều 268 Tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, khoản 2 điểm b quy định: "*Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*" thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm; Điều 291 Tội lợi dụng ảnh hưởng

đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi, khoản 2 điểm c quy định: "*Gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*" thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm v.v. Sự gom chung các cấp độ hậu quả của tội phạm vào cùng một khung hình phạt như trên không chỉ phản ánh tính tùy tiện và thiếu căn cứ trong quy định khung hình phạt của điều luật mà còn tạo ra sự chênh lệch quá lớn về độ tương quan giữa các khung hình phạt trong cùng điều luật, đặc biệt là các khung liền kề nhau. Ví dụ sau đây cho ta thấy rõ sự bất hợp lý này:

Điều 263: Tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước, quy định:

1...

2.Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm.

3.Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ mười năm đến mười lăm năm.

Một khía cạnh khác là tuy nhà lập pháp hình sự đã xác lập rất rõ ràng các cấp độ hậu quả phạm tội, nhưng việc ấn định mức hình phạt giữa các cấp độ hậu quả phạm tội lại có sự chồng lấn lên nhau trong cùng một tội. Ví dụ: *Điều 244 Tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm*, quy định tại các khoản 2 và khoản 3 như sau:

"2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

3. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm".

Từ quy định của Điều 244 BLHS nêu trên cho ta thấy rõ là mức cao nhất của khung hình phạt áp dụng cho trường hợp phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng đã vượt qua mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng cho trường hợp phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng trong cùng một tội. Giữa chúng đã có một định mức thời gian giao thoa chồng lấn lên nhau thay vì độc lập và nối tiếp nhau. Ở đây đã có sự thiếu minh bạch, rạch ròi khi xây dựng cấu trúc nội dung các khung hình phạt trong cùng một điều luật, đặc điểm này cũng lặp lại trong rất nhiều điều luật phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự. Giả sử một người bị xử phạt 08 năm tù về *Tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm*, nhìn hình thức thì mức phạt tù đó không phản ánh được dấu hiệu phân loại và bản chất loại tội phạm nếu không xem nội dung bản án.

Như vậy, đối chiếu với cơ sở lý luận và thực tiễn như đã trình bày ở phần đầu, chúng tôi cho rằng việc xây dựng khung hình phạt dựa vào việc nhập chung, ghép hai hoặc ba cấp độ hậu quả phạm tội có bản chất rất khác nhau để áp dụng cùng một khung chế tài pháp lý hình sự là không thỏa đáng. Điều này góp phần tạo ra sự tùy tiện - điều cấm kỵ trong áp dụng pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng.

Tiến hành thống kê phần các điều luật quy định các tội phạm cụ thể của Bộ luật Hình sự hiện hành, chúng tôi thấy có tất cả 68 điều luật xây dựng khung hình phạt tồn tại bất hợp lý như trên, đó là:

- Chương XII Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người, có 02 điều.

- Chương XIII Các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân, có 01 điều.

- Chương XVI Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, có 10 điều.

- Chương XVII Các tội phạm về môi trường, có 05 điều.

- Chương XIX Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, có 08 điều.

- Chương XX Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính, có 06 điều.

- Chương XXI Các tội phạm về chức vụ, có 05 điều.

- Chương XXII Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, có 12 điều.

- Chương XXIII Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân, có 19 điều.

Và như vậy chính bản thân pháp luật hình sự đã tạo ra sơ hở, không công bằng: có nhiều trường hợp phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đều bị

xử lý như nhau. Tình trạng này nếu không được khắc phục sẽ tạo ra những vướng mắc, sai lầm của thực tiễn hoạt động áp dụng pháp luật hình sự trong việc xác định, đánh giá bản chất của tội phạm, dễ dẫn đến việc vận dụng tùy tiện không đảm bảo tính khách quan, công bằng trong xử lý tội phạm và người phạm tội, vi phạm nguyên tắc pháp chế.

4. Kết luận và kiến nghị

Pháp luật hình sự là một công cụ mạnh mẽ, hữu hiệu để bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, các quyền và lợi ích của nhà nước, công dân và toàn xã hội. Vì vậy cần phải nghiên cứu, hoàn thiện cả về lý luận và thực tiễn để sử dụng một cách khoa học, hiệu quả công cụ mạnh mẽ ấy để đạt đến tính khách quan, chính xác, công bằng và sáng tỏ của công lý. Từ các vấn đề đã trình bày trên, chúng tôi kiến nghị một số điểm như sau:

- Khắc phục bất hợp lý về xây dựng khung hình phạt bằng cách tổng rà soát để chia tách lại khung hình phạt đối với tất cả các điều luật phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự mà trước đó đã ghép hai hoặc ba cấp độ hậu quả phạm tội khác nhau trong cùng một khung hình phạt của một điều luật.

- Khắc phục sự bất hợp lý về sự giao thoa, chồng lấn mức thời gian giữa các khung hình phạt khác nhau về cấp độ hậu quả của tội phạm trong cùng một điều luật theo hướng tách biệt độc lập với nhau, giữa chúng chỉ có sự nối tiếp thay vì phải giao thoa nhau.

- Tiếp tục nghiên cứu để định lượng các thuật ngữ "gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng" và "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" trong những điều luật ở phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự chưa được định lượng.

(Tiếp theo trang 60 – Vai trò của pháp luật...)

được những vấn đề nêu trên. Hoặc trong việc đánh giá năng lực chuyên môn, tìm ra những người giỏi thì cũng rất dễ có sự thiên vị, chạy chọt và thiếu chính xác, điều này trong các quy định của luật pháp cũng phải quy định chặt chẽ các phương pháp và hoạt động của việc đánh giá và tuyển chọn công chức.

Có thể nói nếu pháp luật (hay các nhà lập pháp) lường trước được những tiêu cực, hạn chế từ những hoạt động của quá trình tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ công chức, biết tạo ra tính đồng bộ giữa các quy định của nhà nước với các Nghị quyết của Đảng thì sẽ tạo ra được một môi trường tốt vừa có tính công khai, công bằng và dần dần tạo ra sự cạnh tranh trong việc tuyển chọn và bổ nhiệm công chức, từ đó sẽ làm cho công tác này ngày càng tốt hơn.

Tóm lại, với vai trò to lớn của mình, pháp luật phải có nhiệm vụ qui định toàn bộ hoạt động tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ công chức để tạo ra một môi trường lành mạnh, công khai và khoa học đem lại những kết quả tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của nước ta ngày càng hùng mạnh đủ năng lực và nhân phẩm đảm đương được nhiệm vụ mà nhân dân trông đợi.